

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 03 - 2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Công Danh

2/ Bà Hoàng Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 2617/2024/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trần C**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số E Lô B, CC T, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thụy Hạnh T**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông C, bà T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Trần C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thụy Hạnh T quen biết và tìm hiểu lập gia đình với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do gặp khó khăn trong công việc làm ăn, nên sau khi sinh cháu thứ hai thì bà T bỏ về nhà mẹ, kể từ thời điểm năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân. Xét thấy cuộc sống vợ chồng ông không hòa thuận, tình cảm không còn giành cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Truyền P, sinh ngày 26/11/2015 và cháu Nguyễn Khả T1, sinh ngày 29/11/2017. Ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu P và cháu T1, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng hàng tháng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do ông bận nhiều việc không có thời gian để tham gia phiên tòa. Đề nghị Tòa án cho ông vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thụy Hạnh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, về tài sản chung, nợ chung, bà đồng ý với phần trình bày của ông C.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng sống có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống. Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà thì bà đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Truyền P, sinh ngày 26/11/2015 và cháu Nguyễn Khả T1, sinh ngày 29/11/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông C ly hôn thì bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu P và cháu T1, tạm thời không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa ông Nguyễn Trần C và bà Nguyễn Thụy Hạnh T đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông C đối với bà T. Giao 02 cháu Nguyễn Truyền P, sinh ngày 26/11/2015 và cháu Nguyễn Khả T1, sinh ngày 29/11/2017 cho bà Nguyễn Thụy Hạnh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Nguyễn Trần C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung ông C, bà T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Ông Nguyễn Trần C khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bà Nguyễn Thụy Hạnh T hiện đang trú tại: Khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Ông C và bà T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Ông C và bà T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên xác định là hôn nhân hợp pháp nên.

Theo xác minh tại địa phương, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông C và bà T có xảy ra hay không thì địa phương không nắm được vì ông C và bà T không yêu cầu giải quyết.

Quá trình chung sống ông C, bà T đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Ông C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T thì bà T cũng đồng ý. Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông C, bà T đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, là những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận thì không phải chứng minh.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa ông C và bà T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho ông C được ly hôn với bà T.

[3] **Về con chung:** Cả ông C và bà T đều có nguyện vọng nuôi 02 con chung. Cháu Nguyễn Truyền P và cháu Nguyễn Khả T1 có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét thấy, cháu Nguyễn Truyền P và cháu Nguyễn Khả T1 có nguyện vọng ở với mẹ và hiện cháu Nguyễn Truyền P và cháu Nguyễn Khả T1 đang ở với bà T từ năm 2017 cho đến nay. Để đảm bảo cho việc nuôi con và tránh thay đổi môi trường sống cũng như việc học tập của cháu Nguyễn Truyền P và cháu Nguyễn Khả T1 nên chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Nguyễn Truyền P và cháu Nguyễn Khả T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Ông C và bà T trình bày tài sản chung, nợ chung không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] **Về án phí:** Ông Nguyễn Trần C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 8 và Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn ông Nguyễn Trần Chí . Ông Nguyễn Trần C được ly hôn với bà Nguyễn Thụy Hạnh T.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Truyền P, sinh ngày 26/11/2015 và cháu Nguyễn Khả T1, sinh ngày 29/11/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của ông Nguyễn Trần Chí .

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Trần C phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004434 ngày 28/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông C đã nộp xong án phí.

5. Ông Nguyễn Trần C và bà Nguyễn Thụy Hạnh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án DS thành phố Biên Hòa;
- UBND UBND Tam Phước(số ĐKKH 21 ngày 19/01/2015);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải

